TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/DS-ST;
Ngày: 29-6-2022
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình.

Ông Mai Văn Du.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh – Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ: Bà Trần Lê Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 03/01/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐST-DS ngày 18/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-DS ngày 16/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị D, sinh năm: 1968; trú tại: tổ 43, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ liên hệ: đường T, quận Thanh Khê Tây, thành phố Đà Nẵng. Đại diện ủy quyền: ông Lê Thành Đ và ông Nguyễn Tiến T. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Đinh Văn T, Công ty Luật TNHH MTV Legal Ding. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng H, sinh năm: 1972. Địa chỉ: đường O, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị D, sinh năm: 1974. Địa chỉ: đường O, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19 tháng 12 năm 2021 (Ngày 16 tháng 11 năm 2021 âm lịch theo giấy mượn tiền), vì có quen biết với ông Đặng H từ trước nên khi ông H hỏi vay số tiền là: 1.600.000.000 (Một tỷ sáu trăm triệu) đồng để làm ăn, đồng thời dùng căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ: đường O, Hòa An, Cẩm Lệ, Đà Nẵng (Thửa đất số: 262-B17, tờ bản đồ số: KT04, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 258893, số vào sổ cấp GCN số: H04445 do Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ cấp ngày 11 tháng 9 năm 2006 đứng tên ông Đặng H và bà Võ Thị D) để bảo đảm cho khoản vay, thì bà D đã đồng ý cho ông H vay số tiền nêu trên. Cụ thể, ông H có viết Giấy mượn tiền thể hiện ông Đặng H, sinh năm: 1972 ở Hòa An - Cẩm Lệ - Đà Nẵng, số nhà đường O có mượn của bà D với số tiền 1.600.000.000 (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Ông H có thế chấp cho bà D 1 sổ đỏ mang tên ông Đặng H và tài sản gắn liền với đất ở số nhà đường O. Theo đó, ông H đã cho bà D giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để bảo đảm và cam kết sẽ trả lại tiền gốc cùng lãi cho bà D trong vòng 01 tháng.

Hết thời hạn trên bà D đã nhiều lần yêu cầu ông H trả lại tiền nhưng ông H lấy lý do đang túng thiếu nên hứa hẹn trả nợ và xin bà D cho thêm thời gian để trả nợ. Vì là bạn bè quen biết muốn giúp đỡ ông H lúc khó khăn, bà D đã cho ông H thêm thời gian để có thể trả nợ. Tuy nhiên, ông H vẫn không thanh toán cho bà D mà hứa hẹn nhiều lần, viện ra các lý do để từ chối thanh toán khoản nợ của bà D. Cho đến hiện nay, đã quá thời gian cam kết trả nợ nhưng ông H vẫn không thanh toán cho bà D bất kỳ khoản tiền nào. Hành vi của ông H đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của bà D.

Do đó, bà Trần Thị D khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông Đặng H thanh toán số tiền nợ tạm tính là 1.756.932.506 đồng, trong đó tiền gốc là 1.600.000.000 đồng là nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 12/12/2022 là 156.932.506 đồng.

- Kể từ ngày bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Đặng H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Trần Thị D có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cho phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 262-B17, tờ bản đồ số: KT04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG258893, số vào số cấp GCN số: H04445 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 11.9.2006 để thu Hi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bị đơn đề nghị thay đổi yêu cầu tính lãi, xác định thời gian tính lãi từ ngày 15/01/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm và đề

nghị rút yêu cầu được phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 262-B17, tờ bản đồ số: KT04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG258893, số vào số cấp GCN số: H04445 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 11.9.2006 để thu Hi nợ

***Tại các biên bản hòa giải, bị đơn ông Đặng H trình bày:** Trước đây, ông có vay của bà D số tiền: 1.600.000.000 đồng. Do hoàn cảnh gia đình của ông hiện nay rất khó khăn nên ông đề nghị bà D xem xét giảm bớt khoản tiền lãi và gia hạn thời gian trả nợ để ông có điều kiện thu xếp tiền, thanh toán nợ cho bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị D: trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Dung không có mặt để tham gia tố tụng và không có ý kiến trình bày.

Đối với văn bản xin hoãn phiên cung cấp lời khai ngày 16/01/2023 của bà Dung, Tòa án đã xác minh tại Bệnh viện Đà Nẵng và Bệnh viện xác định bà không có điều trị trong thời gian trên.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng những quy định của BLTTDS. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với ông Đặng H. Buộc ông Đặng H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị D số tiền đã vay là 1.600.000.000 đồng và số tiền lãi theo lãi suất 10%/năm tạm tính từ ngày 15/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/6/2023.

+ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Trần Thị D về việc phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 262-B17, tờ bản đồ số: KT04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG258893, số vào số cấp GCN số: H04445 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 11.9.2006 để thu Hi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Giữa nguyên đơn: bà Trần Thị D và bị đơn: ông Đặng H có xác lập giao dịch vay tài sản là tiền thông qua Giấy mượn tiền ngày

16/11/2021 Âm lịch (nhằm ngày 19/12/2021). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và yêu cầu tính lãi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26 BLTTDS, HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Về thẩm quyền: bị đơn ông Đặng H có địa chỉ tại: đường O, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, tp Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tp. Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đối với các đương sự: Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tp. Đà Nẵng đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn ông Đặng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị D. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị D trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều cố tình vắng mặt không có lý do, không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 BLTTDS.

[5] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đề nghị rút yêu cầu: Kể từ ngày bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Đặng H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Trần Thị D có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cho phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 262-B17, tờ bản đồ số: KT04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG258893, số vào số cấp GCN số: H04445 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 11.9.2006 để thu Hi nợ.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận và căn cứ Điều 244 BLTTDS đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nội dung

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với số tiền gốc 1.600.000.000 đồng

[6.1] Ngày 19 tháng 12 năm 2021 (Ngày 16 tháng 11 năm 2021 âm lịch theo giấy mượn tiền), giữa bà Trần Thị D và ông Đặng H có xác lập quan hệ vay tài sản số tiền là: 1.600.000.000 đồng, theo đó bà D cho ông H mượn số tiền trên để làm ăn. Ông H có viết Giấy mượn tiền thể hiện việc ông có mượn của bà D với số tiền 1.600.000.000 đồng. Xét thấy, các bên giao kết hợp đồng vay tiền trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng vay các bên đã giao kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại

Điều 119 và 463 BLDS nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[6.2] Tại các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng H đề thừa nhận việc có vay của bà D số tiền 1.600.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình của ông hiện nay rất khó khăn nên ông đề nghị bà D xem xét giảm bớt khoản tiền lãi và gia hạn thời gian trả nợ để ông có điều kiện thu xếp tiền, thanh toán nợ cho bà D

[6.3] Căn cứ nội dung giấy mượn tiền do bà D xuất trình, HĐXX xác định hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Khoản 1 Điều 466 BLDS quy định: Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Khoản 1 Điều 469 BLDS quy định: Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý. Theo trình bày của bà D, bà đã nhiều lần liên lạc với ông H yêu cầu trả tiền nhưng ông không thực hiện nên bà đã khởi kiện buộc ông H thanh toán số tiền trên. Do đó, thời điểm ông Đặng H nhận được thông báo thụ lý của Tòa án và có văn bản trả lời (ngày 15/01/2023) được xác định là thời điểm bà D đã thông báo cho ông H về việc đòi lại tài sản. Đến nay, ông Đặng H vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho bà D.

[6.4] Từ những lập luận trên, xét thấy ông Đặng H đã vi phạm nghĩa vụ đối với bà Trần Thị D nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466, Điều 469 BLDS, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đặng H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị D số tiền 1.600.000.000 đồng.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với số tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất 10%/năm

Giấy mượn tiền giữa bà D và ông H không có thỏa thuận về thời gian trả nợ và mức lãi suất nên quan hệ vay tiền giữa bà D và ông H là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Theo trình bày của bà D thì bà đã nhiều lần đề nghị ông H trả nợ nhưng bà không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Khoản 1 Điều 469 BLDS quy định: Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý. Căn cứ H sơ vụ án, ông H có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện là ngày 15/01/2023, đó đó xác định đây là thời điểm tính lãi nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà D cũng thống nhất với thời điểm tính lãi nên HĐXX chấp nhận.

Về lãi suất, bà D đề nghị tính lãi suất nợ quá hạn là 10%/ năm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 BLDS nên HĐXX chấp nhận

Như vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị D buộc ông Đặng H phải thanh toán số tiền lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm tạm tính từ ngày 15/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/6/2023 là 72.767.123 đồng.

[8] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Đặng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và 469 BLDS;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 244, 271, 272, 273 của BLTTDS;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với ông Đặng H.

Buộc ông Đặng H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị D số tiền là: 1.672.767.123 đồng, trong đó số tiền đã vay là 1.600.000.000 đồng và số tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 15/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/6/2023 là 72.767.123 đồng.

Kể từ ngày bà Trần Thị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đặng H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Đặng H phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Trần Thị D về việc phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 262-B17, tờ bản đồ số: KT04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG258893, số vào số cấp GCN số: H04445 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 11.9.2006 để thu Hi nợ.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Đặng H phải chịu 62.183.013 đồng. Bà Trần Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền 34.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009294 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu TA,VP,HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Hưng